

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 845/BVNHN-DDTC
V/v: Chào giá cung cấp suất ăn cho
người bệnh điều trị theo yêu cầu
tại Bệnh viện Nhi Hà Nội năm
2025-2026

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Hiện nay, Bệnh viện Nhi Hà Nội đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá suất ăn để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Cung cấp suất ăn cho người bệnh điều trị theo yêu cầu tại Bệnh viện Nhi Hà Nội năm 2025-2026”. Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp có chức năng cung cấp suất ăn, có đủ năng lực, kinh nghiệm gửi hồ sơ báo giá cho Bệnh viện với các nội dung sau:

1. Báo giá suất ăn:
 - Số lượng suất ăn: Tại Phụ lục I.
 - Mã thực đơn suất ăn: Tại Phụ lục II

- Báo giá theo mẫu: Tại phụ lục III.

2. Hồ sơ năng lực của các nhà cung cấp.

- Đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh phù hợp

+ Chứng nhận an toàn thực phẩm (Hoặc tương đương)

- Bảng kê năng lực tài chính:

+ Báo cáo tài chính 2022, 2023, 2024

+ Tài liệu chứng minh không nợ thuế năm tài chính gần nhất

- Có hợp đồng tương tự đáp ứng tối thiểu 30% báo giá nhà thầu đề xuất

- Kê khai danh sách nhà cung cấp thực phẩm đề xuất.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- **Địa điểm tiếp nhận báo giá:** Bệnh viện Nhi Hà Nội, đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội (trong giờ hành chính).

- **Thời gian tiếp nhận báo giá:** Từ 9h00 ngày 29 tháng 8 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 08 tháng 9 năm 2025.

- **Điện thoại liên hệ:** 0941903229 (ThS. Hiền – Khoa Dinh dưỡng tiết chế).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành.

Rất mong nhận được sự quan tâm của quý vị./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để b/c);

- Nhà cung cấp;

- Lưu: VT, DDTC (02b).

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Hùng

PHỤ LỤC 01:
SỐ LƯỢNG SUẤT ĂN

(Kèm theo Công văn số **845** /BVNHN-DDTC ngày **29/8** /2025
của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

STT	Khoa	Số lượng giường dịch vụ hiện tại/ngày	Số lượng suất ăn/ năm
1	Hô hấp	25	9125
2	Tiêu hoá	18	6570
3	Ngoại tổng hợp	21	7665
4	Nội tổng hợp	22	8030
5	Đơn nguyên Đại dương xanh	20	7300
6	Truyền nhiễm	20	7300
7	Liên chuyên khoa	6	2190
8	Hồi sức tích cực – Chống độc	12	4380
Tổng			52560

PHỤ LỤC 02:
MÃ THỰC ĐƠN SUẤT ĂN
 (Kèm theo Công văn số **845** /BVNHN-DDTC ngày **29/8/2025**
 của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, 3 bữa/ngày	Áp dụng điều trị
1	2BT	E (Kcal): 820, P (g): 23, L(g): 18- 27, G(g): 120- 141	Thực đơn mềm	Cho các bệnh thông thường cho trẻ 7-12 tháng
2	3BT	E (Kcal):1300, P (g): 30- 35g, L(g): 28- 43, G(g):200- 232	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Cho các bệnh thông thường cho trẻ 1-3 tuổi
3	4BT	E (Kcal): 1600, P (g): 40- 45g, L(g): 35- 53, . G(g): 244- 284	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Cho các bệnh thông thường cho trẻ 4-6 tuổi
4	5BT	E:1800, P (g):50- 60, L(g):40- 50, G(g): 275- 320	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Cho các bệnh thông thường cho trẻ 7-9 tuổi
5	6BT	E: 2200- 2400, P (g): 60- 80, L(g): 50- 60, G(g):340- 430	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Cho các bệnh thông thường cho trẻ 10-15 tuổi
6	2TH1	E: 600-820, P (g): 23, L(g): 18- 27, G(g):120- 140	Thực đơn mềm	Tiêu chảy cấp trẻ 7-12 tháng
7	3TH1	E: 900- 1000, P (g): 20- 25, L(g): 15 – 20, G(g): 150 - 180	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Tiêu chảy cấp trẻ 1-3 tuổi
8	4TH1	E: 1100-1300, P (g): 26 – 30, L(g): 15 – 20, G(g): 220-250	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Tiêu chảy cấp trẻ 4-6 tuổi
9	5TH1	E:1400- 1500, P (g): 30- 40, L(g):20 – 25, G(g):	Thực đơn mềm	Tiêu chảy cấp trẻ 7-9

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, 3 bữa/ngày	Áp dụng điều trị
		260 - 300	Thực đơn cơm	tuổi
10	6TH1	E:1600- 1800, P (g): 40 – 45, L(g): 25 – 30, G(g): 310.- 350	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Tiêu chảy cấp trẻ 10-15 tuổi
11	3GM3	E (Kcal):1200-1300, P (g): 25- 30, L(g):10- 15, G(g): 240- 270	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Viêm gan cấp tính, giai đoạn ổn định trẻ 1-3 tuổi
12	4GM3	E (Kcal): 1500- 1600, P (g): 30- 36, L(g): 15- 20, G(g): 300- 340	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Viêm gan cấp tính, giai đoạn ổn định trẻ 4-6 tuổi
13	5GM3	E (Kcal): 1700- 1800, P (g): 40- 50, L(g): 20- 25, G(g):330- 380	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Viêm gan cấp tính, giai đoạn ổn định trẻ 7-9 tuổi
14	6GM3	E (Kcal): 2000- 2200, P (g): 50- 60, L(g): 25- 30, G(g): 370- 420	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Viêm gan cấp tính, giai đoạn ổn định trẻ 10-15 tuổi
15	2SD2	E (Kcal):1100, P (g) :30, L(g): 35- 45, G(g): 153- 167	Thực đơn mềm	Suy dinh dưỡng giai đoạn hồi phục trẻ 7-12 tháng
16	3SD2	E (Kcal):1100, P (g) :30, L(g): 35- 45, G(g): 153- 167	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy dinh dưỡng giai đoạn hồi phục trẻ 1-3 tuổi
17	4SD2	E (Kcal):1600- 1700, P (g):45- 50, L(g): 45- 55, G(g):220- 280	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy dinh dưỡng giai đoạn hồi phục trẻ 4-6 tuổi
18	5SD2	E (Kcal):1800- 1900, P (g):50- 60, L(g): 50- 60, G(g):255- 310	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy dinh dưỡng giai đoạn hồi phục trẻ 7-9 tuổi
19	6SD2	E (Kcal):2200- 2400, P (g): 70- 90, L(g): 60- 80, G(g): 280-395	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy dinh dưỡng giai đoạn hồi phục trẻ 10-15 tuổi

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, 3 bữa/ngày	Áp dụng điều trị
20	3TN7	E (Kcal):1300, P (g):15-20, L(g): 30- 43, G(g):200- 250 Natri(mg):325- 650	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy thận mạn độ 3 trước lọc máu trẻ 1-3 tuổi
21	4TN7	E (Kcal):1600, P (g): 25 ÷ 30, L(g): 35- 53, G(g): 250- 300 Natri (mg):473- 875	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy thận mạn độ 3 trước lọc máu trẻ 4-6 tuổi
22	5TN7	E (Kcal):1800, P (g): 30- 35, L(g):40- 60, G(g):270- 330 Natri(mg):625- 1250	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy thận mạn độ 3 trước lọc máu trẻ 7-9 tuổi
23	6TN7	E (Kcal):2200- 2400, P (g): 35- 40, L(g): 50 – 60, G(g):370- 400 Natri(mg):1000-2000	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy thận mạn độ 3 trước lọc máu trẻ 10-15 tuổi
24	3TN10	E (Kcal):1300, P (g): 30 – 35, L(g): 20-30, G(g):220- 250 Natri(mg):325- 650	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Hội chứng thận hư trẻ 1-3 tuổi
25	4TN10	E (Kcal):1600, P (g): 40 – 45, L(g): 27- 35, G(g):270- 300 Natri (mg):473- 875	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Hội chứng thận hư trẻ 4-6 tuổi
26	5TN10	E (Kcal):1800, P (g): 45- 50, L(g):30- 35, G(g):310- 340 Natri(mg):625-1250	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Hội chứng thận hư trẻ 7-9 tuổi
27	6TN10	E (Kcal): 2200-2400, P (g): 60-70, L(g):35- 40, G(g): 390- 460 Natri(mg):1000-2000	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Hội chứng thận hư trẻ 10-15 tuổi
28	4DD1	E: 1600, P: 40- 50 g, G: 220- 240g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Đái tháo đường cho trẻ từ 4- 6 tuổi
29	5DD1	E: 1800, P: 65- 75 g, G: 260- 290g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Đái tháo đường cho trẻ từ 7- 9 tuổi

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, 3 bữa/ngày	Áp dụng điều trị
30	6DD1	E: 2000- 2200, P: 75- 95 g, G: 320- 350g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Đái tháo đường cho trẻ từ 10- 15 tuổi
31	3TM2	E: 1100, P: 28 g, L: 20- 30g, Na: 325- 650mg	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy tim giai đoạn 3 cho trẻ từ 1- 3 tuổi
32	4TM2	E: 1300, P: 36 g, L: 25- 35g, Na: 473- 875mg	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy tim giai đoạn 3 cho trẻ từ 4- 6 tuổi
33	5TM2	E: 1500, P: 40 g, L: 30- 40g, Na: 625- 1250mg	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy tim giai đoạn 3 cho trẻ từ 7- 9 tuổi
34	6TM2	E: 1800- 1900, P: 50- 60 g, L: 40- 50 g, Na: 1000- 2000mg	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Suy tim giai đoạn 3 cho trẻ từ 10- 15 tuổi
35	2NK2	E: 820, P: 23- 30 g	Thực đơn mềm	Nhiễm khuẩn cấp giai đoạn hồi phục cho trẻ từ 7 – 12 tháng tuổi
36	3NK2	E: 1200- 1300, P: 28-35 g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Nhiễm khuẩn cấp giai đoạn hồi phục cho trẻ từ 1- 3 tuổi
37	4NK2	E: 1500- 1600, P: 36-45g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Nhiễm khuẩn cấp giai đoạn hồi phục cho trẻ từ 4- 6 tuổi
38	5NK2	E: 1600- 1800, P: 60- 70g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Nhiễm khuẩn cấp giai đoạn hồi phục cho trẻ từ 7- 9 tuổi
39	6NK2	E: 2200- 2400, P: 80- 100 g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Nhiễm khuẩn cấp giai đoạn hồi phục cho trẻ từ 10- 15 tuổi
40	2PT4	E: 820, P: 23g	Thực đơn mềm	Phẫu thuật đường tiêu hóa và ngoài đường tiêu hóa giai đoạn phục

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, 3 bữa/ngày	Áp dụng điều trị
				hồi cho trẻ từ 7 - 12 tháng
41	3PT4	E: 1300, P: 28g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Phẫu thuật đường tiêu hóa và ngoài đường tiêu hóa giai đoạn phục hồi cho trẻ từ 1 - 3 tuổi
42	4PT4	E: 1600, P: 36g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Phẫu thuật đường tiêu hóa và ngoài đường tiêu hóa giai đoạn phục hồi cho trẻ từ 4 - 6 tuổi
43	5PT4	E: 1800, P: 40g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Phẫu thuật đường tiêu hóa và ngoài đường tiêu hóa giai đoạn phục hồi cho trẻ từ 7 - 9 tuổi
44	6PT4	E: 2200-2400, P: 66-84g	Thực đơn mềm Thực đơn cơm	Phẫu thuật đường tiêu hóa và ngoài đường tiêu hóa giai đoạn phục hồi cho trẻ từ 10 - 15 tuổi

PHỤ LỤC 03:
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số **845** /BVNHN-DDTC ngày **29/ 8** /2025
của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

BÁO GIÁ

Kính gửi: (ghi rõ tên của chủ đầu tư yêu cầu báo giá)

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của ... (ghi rõ tên của chủ đầu tư yêu cầu báo giá), chúng tôi... (ghi tên, địa chỉ nhà cung cấp) báo giá cung cấp suất ăn như sau:

1. Báo giá cung cấp suất ăn.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
...					
Tổng cộng					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm... (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày).

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin ghi trên báo giá là trung thực.

..., ngày... tháng... năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)